

Số: 19/2022/QĐST-VHNGĐ

Sầm Sơn, ngày 02 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 397 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 19/2022/TLST-VHNGĐ, ngày 10/5/2022 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

1. Anh Hoàng Văn Q – SN 1976. Địa chỉ: Khu phố K, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Lê Thị N – SN 1979. Địa chỉ: Khu phố K, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn Q và chị Lê Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q (nay là phường Q, thành phố S), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/01/1998. Sau khi cưới nhau về vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị không hợp tính nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Q, chị N thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của anh, chị không đáp ứng được với quy định tại khoản 3 Điều 2 về nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân gia đình và Điều 19 về tình nghĩa vợ chồng của luật Hôn nhân gia đình năm 2014; việc thuận tình ly hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 luật Hôn nhân gia đình 2014.

[2]. Về con chung: Anh Q, chị N có 02 con chung là cháu Hoàng Thị H sinh ngày 11/4/1999 và Hoàng Văn T sinh ngày 23/01/2004. Các cháu đã thành niên và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Anh Hoàng Văn Q và chị Lê Thị N thuộc trường hợp phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326 ngày 20/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án. Anh, chị thỏa thuận chị N nộp 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị N đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0013255, ngày 10/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Hoàng Văn Q và chị Lê Thị N thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh, chị có 02 con chung là cháu Hoàng Thị H sinh ngày 11/4/1999 và Hoàng Văn T sinh ngày 23/01/2004. Các cháu đã thành niên và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản, công nợ chung:* Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Về lệ phí: Chị Lê Thị N nộp 300.000 đồng tiền lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0013255, ngày 10/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Sầm Sơn – Chị N đã nộp đủ tiền lệ phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP. Sầm Sơn;
- UBND phường Q;
- Lưu HSVA.

#### **THẨM PHÁN**

(đã ký)

**Ngô Thị Hà**